Kinh Thừa Tự Pháp (Nguyên Nghĩa)

Nikaya — bài lẻ & đối chiếu

Kinh Thừa Tự Pháp: Chánh Pháp luôn tồn tại sinh động nơi những người con Phật Nguyên Nghĩa Chỉ có tâm hồn con người cần phải được chuyển đổi, được chuyển hóa để nhận thức đúng, để hiểu đúng, để thực hành, thực hiện đúng với Chánh Pháp để đưa đến Hạnh phúc thật sự ngay trong hiện tại, trong đời nầy và trong tương lai. TÓM TẮT KINH 1. Thế Tôn có lòng thương yêu các đệ tử của Ngài, mong muốn sao cho các Tỳ kheo luôn ghi nhớ học tập hành trì, gìn giữ những lời dạy bảo, gìn giữ Giáo Pháp, như là tài sản quý giá nhất:

"Làm sao những đệ tử của Ta là những người thừa tự Pháp của Ta, không phải là những người thừa tự tài vật" 2. Thế Tôn khuyên dạy các đệ tử nếu không ghi nhớ học tập hành trì, gìn giữ những lời giáo huấn, gìn giữ Giáo Pháp, mà lại chú tâm vào hình thức bên ngoài, vào việc tích lũy, sở hữu, thụ hưởng tài vật, tài sản, danh vị thì không những tự mình làm cho mình hoen ố, mà còn ảnh hưởng đến đức Thế Tôn nữa: "Mà cả Ta cũng trở thành người mà người ta nói: Cả Thày và trò đều là những người thừa tự tài vật, không phải là những người thừa tự Pháp". 3. Nếu các đệ tử chuyên tâm thực hành giáo huấn, thì cả Thế Tôn và đệ tử được mọi người tôn kính:

"Mà cả Ta cũng trở thành người mà người ta nói: Cả Thầy và trò là những người thừa tự Pháp, không phải là những người thừa tự tài vật 4. Thế Tôn khen ngợi vị Tỷ-kheo thứ nhất trong hai vị Tỷ-kheo đã nhớ đến lời dạy của Thế Tôn, nên đã không ăn các thức ăn tàn thực, dù được cho phép, do đó đã phải trải qua đêm ngày bị đói lả và kiệt sức. Trong khi vị Tỳ kheo thứ hai không nhớ đến lời dạy của Thế Tôn, đã ăn loại đồ ăn ấy và trải qua đêm ngày hôm ấy không bị đói lả kiệt sức: "Nhưng đối với Ta, Tỷ-kheo đầu tiên đáng được kính nể hơn, và đáng được tán thán hơn." 5. Thừa tự Pháp không thừa tự tài vật sẽ đưa đến ít dục, biết đủ, khổ hạnh, dể nuôi

dưỡng, tinh cần, tinh tấn. Là nền tảng để thành tựu giới hạnh, thành tự quán hạnh: "Vì sao vậy? vì như vậy sẽ đưa đến cho Tỷ- kheo ấy, trong một thời gian lâu ngày, ít dục, biết đủ, khổ hạnh, dể nuôi dưỡng, tinh cần, tinh tấn" 6. Tiếp theo lời dạy của Thế Tôn, Tôn giả Sariputta giảng cho các Thượng tọa, Trung tọa Tỷ-kheo và các vị mới thọ Tỷkheo về trường hợp vị Đạo sư sống viễn ly, các đệ tử không tùy học viễn ly, và có ba trường hợp đáng bị quở trách, và đáng được tán thán: + Ba trường hợp đáng bị quở trách: - Vị Đạo sư sống viễn ly, các đệ tử không tùy học viễn ly; - Những Pháp nào vị Đạo sư dạy từ bỏ, những Pháp ấy họ không từ bỏ;

- Họ sống đầy đủ, lười biếng, dẫn đầu về đọa lạc, bỏ rơi gánh nặng sống viễn ly. + Ba trường hợp, đáng được tán thán: - Vị Đạo sư sống viễn ly, các đệ tử tùy học viễn ly; - Những Pháp nào vị Đạo sư dạy từ bỏ, những Pháp ấy họ từ bỏ; - Họ không sống đầy đủ, lười biếng; không dẫn đầu về đọa lạc; không bỏ rơi gánh nặng sống viễn ly. 7. Tham, sân là ác pháp, có con đường Trung đạo diệt trừ tham, diệt trừ sân, khiến tịnh nhản sinh, khiến chân trí sinh, hướng đến tịch tịnh, thắng trí, giác ngộ, Niết-bàn; 8. Con đường Trung đạo đó là con đường Thánh tám ngành: Chính tri kiến, Chính tư duy,

Chính ngữ, Chính nghiệp, Chính

mạng, Chính tinh tấn, Chính niệm, Chính định; 9. Các biểu hiện (trạng thái) khác của tham và sân là: phẩn nộ, hiềm hận, giả dối, não hại, tật đố, xan lẫn, man trá, phản bội, ngoan cố, bồng bột, mạn, tăng thượng mạn, kiêu, phóng dật; 10. Con đường Trung đạo, con đường Thánh tám ngành diệt trừ các ác pháp tham, sân và các biểu hiện của tham và sân. Khiến tịnh nhản sinh, khiến chân trí sinh, hướng đến tịch tịnh, thắng trí, giác ngộ , Niết-bàn. Bài kinh số 3, kinh Thừa Tự Pháp, Đại Tạng kinh Việt Nam, PL 2536. 1992, Dịch giả: Hòa Thượng Thích Minh Châu LUẬN:

1. Thừa tự Pháp, tức gìn giữ duy trì Giáo Pháp, bằng việc luôn chuyên cần, kiên trì, tinh tấn dõng mãnh, không thối thất trong cuộc sống hàng ngày để thực hành và đi đến chứng ngộ Giáo Pháp. Thừa tự Pháp tức Giáo Pháp luôn tồn tại một cách sinh động trong tâm hồn, trong lý trí. Giáo Pháp luôn được nhận biết trong tỉnh thức để được thể hiện trong từng phút giây hiện tại, để đưa đến những hiệu quả thiết thực, được thấy rỏ ràng, được chứng minh trong thực tế và là tấm gương cho những người chung quanh mình thấy, tin và làm theo. Từ sự tự chứng ngộ Giáo Pháp sẽ đưa đến khả năng hướng dẩn người khác chứng ngộ như chính mình. " Tự giác để có khả năng giác tha ".

2. Thừa tự tài vật, tức gìn giữ, nắm giữ, sở hữu, thọ lãnh, thụ hưởng tài sản, tài vật. Từ những vật dụng thông thường như thức ăn, y phục, tiện nghi sinh hoạt… đến xe cộ, nhà cửa, đất đai… cho đến chức danh, địa vị, uy quyền. Những thứ tài vật trên được người khác cúng dường bởi do mình được mang danh nghĩa đệ tử của Thế Tôn. 3. Thừa tự tài vật, không thừa tự Pháp tức là người Phật tử tuy đã quy y Tam Bảo nhưng không thấm nhuần Giáo Pháp, không thấm nhuần lời dạy bảo của Thế Tôn, quên đi mục đích chính yếu của người Phật tử là phải luôn chuyên cần nổ lực ngày đêm thực hành Giáo Pháp, để ngày càng đến gần thánh đạo hơn. Các vị ấy không nuôi dưỡng Giáo Pháp trong tâm hồn, Giáo Pháp không có sự

sống mà chỉ tồn tại trong ý niệm, khái niệm, trong kiến thức, trong nghiên cứu lý luận, trong lời nói, hay hình thức bên ngoài. Đời sống, sinh hoạt hàng ngày của các vị ấy luôn thiên về, luôn hướng về thọ lảnh, thọ nhận, sở hữu, tích lũy, thụ hưởng tài vật, tài sản, tiện nghi, danh vị, quyền uy. Dù đã là người Phật tư, đã quy y Tam Bảo, nhưng các vị ấy đã để cho các cảm thọ thế tục mới thay thế các cảm thọ thế tục củ dưới các hình thức khác tế nhị hơn, vi tế và khó nhận biết hơn, các vị đã vô tình công chức hóa hay nghiệp đoàn hóa việc thực hành Giáo Pháp trong hoạt động thường ngày. 4. Đối với người bình thường, trong sự thụ hưởng các dục lạc thế gian, các khoái lạc do việc ăn uống mang lại rất thân

quen gần gủi, chúng thường là ý nghĩa và mục đích của cuộc sống, dù đôi khi phải đấu tranh khốc liệt cho mục đích nầy. Phấn đấu để ăn ngon mặc đẹp cũng là điều chính đáng. Nhưng đối với người Phậ tử thì khác, mục đích đời sống không phải để hưởng thụ việc ăn uống. Do ăn uống vốn là bản năng sinh tồn mạnh nhất, đồ ăn thức uống giúp cơ thể tồn tại, được thọ dụng mỗi ngày, thậm chí nhiều lần trong ngày, thế nên việc ăn uống thường vượt ngoài tầm kiểm soát. Sự hưởng thụ các khoái cảm do ăn

uống mang lại có những lúc quá đáng thường khó được kiềm chế, lại dể tự đánh lừa, tự bào chửa, an ủi bởi một lý do nào đó, rồi lại được tiếp tục tái diển.

Việc ngăn ngừa, chế ngự và trừ diệt các ý niệm, các cảm giác thèm muốn, thèm thuồng, phân biệt ngon dở, đẹp xấu, khen chê, yêu ghét khởi lên từ việc ăn uống tưởng chừng như đơn giản, dể dàng, nhưng thật ra rất phức tạp, rất khó khăn. Tham ăn, tham uống hay tham hưởng thụ các cảm thọ từ sự ăn uống hay những gì liên quan đến nó, một khi được thỏa mản sẽ dẫn đến sự u mê, mê muội, si ám, liệt tuệ. Ngược lại, khi không được thỏa mản sẽ đưa đến sự bực bội, oán ghét, hờn giận, sân hận (bao giờ thỏa mản cho được). Tham, sân, si nầy thường ít được quan tâm, để ý tới, nhưng chúng lại rất quan trọng, vì là đóm lửa được nuôi dưởng, được huân tập ngày nầy qua ngày khác, tích góp nhân duyên để thồi bùng lên

ngọn lửa tham-sân-si khác lớn hơn bội phần khi đủ điều kiện. Lại nữa, tham sân si nầy, chúng âm thầm từng ngày, từng giờ, từng phút giây tích tụ bồi lắng làm cho lớp trầm tích lậu hoặc-phiền nảo hiện hữu bấy lâu nay, vốn đã tồn tại trong đáy sâu tâm hồn từ vô lượng thời gian trong quá khứ, nay càng trở nên quá rắn chắc không dể gì làm cho muội lược, không dể gì xóa bớt, không dể gì xóa bỏ. (Có người không thể ăn chay dù chỉ một buổi, có người ăn chay nhưng không thể thiếu các loại thức ăn ưa thích, hoặc phải tự lừa dối lấy tên món ăn mặn mới thấy ngon; Có người không ăn một buổi ngọ được, dù chỉ trong một ngày; Có người tự hào về việc trường chay hay nhịn ăn; Có người hảnh diện vì thân thể mập mạp

hồng hào hay hổ thẹn vì thân thể gầy ốm xanh xao; Có người tự hào, khoe khoang khi ăn món ngon vật lạ đắt tiền; Có người giận dổi buồn phiền những khi dùng bửa ăn đạm bạc; Có người đang đi, đứng, nằm, trong giấc ngủ hay dù vừa thức giấc đã nghĩ đến việc ăn uống. . . Những ý niệm, những cảm thọ về ăn uống luôn ám ảnh, luôn chi phối tâm trí con người, cho dù đó là người ăn chay hay người ăn mặn, dù ăn ít hay ăn nhiều, dù mập hay ốm, dù già hay trẻ, dù giàu hay nghèo, dù quyền quý hay dân dã, dù trí thức hay bình dân, dù là người Đông phương hay người Tây phương và thậm chí cho dù đang bệnh tật hay vừa khỏi bệnh.) Cảm giác khoái lạc thích thú do việc ăn uống mang không những dể có điều kiện

được thỏa mản mà còn có hiệu năng khỏa lắp tạm thời nổi đau khổ phiền muộn, giúp lắp đầy phần nào sự xao xuyến, cô đơn thiếu thốn, trống rổng trong tâm hồn dù chỉ trong phút giây ngắn ngủi. Các cảm thọ đến từ thế gian, dù vật chất hay tinh thần, dù lạc hay khổ hay không lạc không khổ đều là chướng ngại trong việc tầm cầu giải thoát. Trong bài kinh số 2 (Kinh Tất cả lậu hoặc), đoạn nói về pháp môn thọ dụng, Thế Tôn đã dạy rất rỏ về ý nghĩa và mục đích của việc ăn uống. Trong bài kinh nầy, Thế Tôn lại một lần nữa lấy việc ăn uống để khuyên răn, dạy bảo. Đây là điều cần phải hết sức chú ý tìm hiểu. 5. Ba trường hợp đáng bị quở trách thuộc về các trường hợp: Thừa tự tài vật, không

thừa tự pháp, xa rời việc thực hành giáo pháp, xa rời mục đích giác ngộ thoát khổ. - Không viễn ly là ham thích đời sống thế tục - Không từ bỏ là gắn bó với đời sống thế tục

- Viễn ly là nhàm chán, rời xa đời sống thế tục. - Từ bỏ là không dính mắc đến đời sống thế tục. Nhàm chán rời xa, không dính đến đời sống thế tục không những thuộc về các phạm trù: - Cư ngụ, cư trú, nơi ở, nơi chốn, trú xứ; - Sự sở hữu, nhận lấy, thọ nhận, thọ dụng, sử dụng các phương tiện, tiện nghi, tài

vật, trong làm việc và sinh hoạt hàng ngày; - Chức tước, địa vị, học vị, quyền uy . . . Mà còn thuộc các phạm trù: - Lời nói; - Cử chỉ, hành động; - Tình cảm, ý nghĩ, suy tư. . . Đời sống độc cư, bần hàn tại các nơi chốn, các trú xứ xa vắng yên tỉnh, tránh xa chốn thị thành đông người sẽ tạo nhiều thuận lợi cho việc thực hành giáo pháp hơn là đời sống gia đình tại các nơi ồn ào náo nhiệt vốn gò bó, hạn hẹp và đầy bất tịnh. Nhưng dù cư ngụ nơi đâu, dù sống một mình hay với ai thì điều cơ bản cốt yếu của viễn ly và từ bỏ là sự nhàm chán, là

rời bỏ, rời xa, xả bỏ, buông bỏ, không liên hệ, không dính đến, không bị ràng buộc bởi tất cả cảm thọ dù lạc hay khổ, dù không lạc không khổ cùng những ý niệm, khái niệm, những ký ức hoài niệm, những tư tưởng, suy tư thuộc về thế tục, liên hệ, liên quan đến thế tục. Viễn ly và từ bỏ không có nghĩa là đoạn diệt, là phủ nhận thực tế khách quan, là phủ nhận, từ bỏ, xa lánh, trốn tránh trách nhiệm và bổn phận đối với gia đình, với quần chúng, với xã hội, với cộng đồng. Mà chính là viễn ly và từ bỏ tưởng tri; viễn ly và từ bỏ tưởng điên đảo; viễn ly và từ bỏ tà kiến, tà niệm, tà tư duy, tà định, tà ngữ, tà nghiệp, tà mạng, tà tinh tấn; viễn ly và từ bỏ vô minh, tham dục, sân hận.

Để đến với thắng tri, với liễu tri, với tịnh nhãn, chính kiến, chính niệm, chính trí, thắng trí, giác ngộ. Xa rời, xả bỏ, từ bỏ, không liên hệ, không dính mắc đến những ý niệm, những cảm thọ liên hệ đến thế tục chính là không bị những ý niệm và cảm thọ thuộc thế tục bao vây, che lắp, chi phối, khuynh đảo, nhiếp phục. Chính là tâm không bị ràng buộc, bị mê mờ, bị sai khiến, bị giao động, biến nhiễm trước bất cứ điều kiện, hoàn cảnh, cảnh ngộ cùng những tác động, những áp lực đên từ môi trường thế tục dù trực tiếp hay gián tiếp; Chính là tâm không còn khởi lên những ý niệm, quan niệm, tư duy thuộc về ngãngã sở; ngã- đối tượng; ngả- không ngã; Chính là nhận biết rỏ về bản chất duyên

sinh, vô thường, bất toại nguyện, khổ, vô ngã, vô ngã sở của tất cả hiện tượng, tất cả vạn vật. Viễn ly và từ bỏ là “Sự Tự Do thật sự”, là “Sự Tự Do đúng nghĩa”, tự do trong lời nói, tự do trong hành động, tự do trong ý nghĩ, cảm xúc, nhận thức. Tựa như cây sen sinh ra và lớn lên trong ao đầm với bùn lầy hôi tanh, với nguồn nước đầy ô nhiễm, đầy bất tịnh, đầy chướng ngại. Nhưng cây sen ấy vẫn không bị tác động, không bị ảnh hưởng bởi sự ô nhiễm, bởi sự bất tịnh, bởi các chướng ngại từ môi trường mà mình đang sống; Vẫn kiên trì nhẫn nại trong thời gian lâu dài với kham nhẫn Ba la mật để ngày đêm thuận theo dòng nước, hết lên rồi xuống đổi thay bất tận theo con nước thủy triều, vẫn kiên trì miệt mài tăng

trưởng và phát triển mạnh mẻ, kiên cố, vững chắc, vững chãi; Để có khả năng vươn mình lên bầu trời cao viễn, để có khả năng vươn lên tầm cao thánh đạo, tỏa ra những đóa hoa tươi đẹp, thanh cao mang sắc thắm cùng hương thơm phụng hiến cho đời, cho

vạn vật, cho muôn loài khắp cùng mọi phương hướng trong khắp cả sáu nẻo đường. 6. Thời Thế Tôn, có rất ít thành thị, dân chúng chủ yếu sống tại các thôn làng, nhà thường có mái tranh vách đất. Các thảo am hay các túp lều nhỏ để các vị Tỳ-kheo trú ngụ trong mùa mưa thường do các Ngài tự làm lấy, rất đơn sơ với khung bằng tre uốn cong xuống đất, lợp cỏ hay cói, chỉ đủ cho một người, thậm chí rất thấp không thể đứng thẳng. Các tịnh xá lớn hơn, có giảng đường, nhưng cũng chỉ được làm bằng cây lợp lá hay đất. Các vị

Tỷ-kheo chỉ trú ngụ tại các thảo am, tịnh xá vào mùa mưa thời gian còn lại các ngài sống ngoài trời*. Đây không phải là lối sống khổ hạnh hành xác, tự hành hạ thân thể cực đoan mà là lối sống giản dị, bình dị diển ra thường ngày rất mực thanh cao. Các Ngài đã từ bỏ hạnh phúc gia đình, từ bỏ hạnh phúc thế gian vốn bản chất luôn biến động, đổi thay còn mất, luôn thiếu thốn, luôn khao khát, luôn bất toại nguyện, khổ đau, bất tịnh, tầm thường, lập đi lập lại vô vị và nhàm chán; Các Ngài đã từ bỏ chúng để đến với hạnh phúc bền vững không bị lệ thuộc, không bị chi phối bởi các điều kiện thuậnnghịch, cao- thấp, thành- bại, thắng-thua, hơn-kém, vinh- nhục, sướng-khổ, cònmất . . . của đời sống thế tục;

Các Ngài đến với hạnh phúc ngay trong phút giây hiện tại, thứ hạnh phúc rất mực đơn giản- giản dị- bình dị- thanh cao- nhẹ nhàng- vững vàng- thảnh thơi- an lạc- an tĩnh- tĩnh lặng- thanh lương- dịu mát . . . Thứ hạnh phúc cao quý, giá trị hơn hạnh phúc thế gian bội phần được gọi là " hiện tại lạc trú ", mà người phàm tục không có khả năng nghe, không khả năng thấy, không có khả năng cảm nhận, không có khả năng nhận biết để sống và thưởng thức. Các ngài đã tìm thấy cõi Tịnh độ không phải ở đâu xa, không phải ở tương lai, mà ở ngay trong chính tâm hồn mình, ngay chung quanh mình, ngay nơi thuận cảnh hay nghịch cảnh, dù lạc cảnh hay khổ cảnh, nơi muôn loài vạn vật, trong hạt sương, trong tia nắng ban mai, nơi chiếc lá đong đưa, trong gió bảo, trong mưa lủ,

trong nắng hạn, trong thị thành náo nhiệt, nơi núi rừng yên tĩnh, nơi con côn trùng bé nhỏ, trong loài hùm beo, ác điểu, nơi vô vàn sinh vật cùng cỏ cây và hoa lá . . . Các ngài không nương tựa vào thuận cảnh, lạc cảnh để tìm thấy hạnh phúc, phấn khởi yêu đời, hay chấp trước trước nghịch cảnh, khổ cảnh để than van, thất vọng, oán hận, sầu ưu khổ não. Các Ngài luôn tự tại. Thông qua cuộc sống bình dị hàng ngày, với cử chỉ trang nghiêm khiêm tốn, với ánh mắt hiền hòa, nụ cười thân thiện gần gủi luôn nở trên môi, các Ngài luôn kiên nhẩn, ân cần lắng nghe mọi lời nói dù là lời vu khống, hay mạ lỵ, phỉ báng đi nửa, các Ngài luôn thốt lên những lời chân thành, khiêm nhả, khoan dung từ ái, khích

lệ, lợi ích, đúng với Chánh pháp với bất kỳ những ai tiếp xúc với mình. Một cách không cố ý, không cần nhắc nhở, thật tự nhiên, từ trong nhân cách các Ngài, âm thanh và vầng hào quang vi diệu tự tỏa ra, lan tỏa ra đến với mọi người, hòa cùng hương thơm của lòng từ bi hỷ xả, bình đẳng, không phân biệt giai cấp, thành phần xã hội, khiến cho tất cả những ai khi có dịp diện kiến các Ngài, dù đứng tận ngoài xa đi nửa, lòng họ cũng cảm thấy được an ủi, được sách tấn, khích lệ. Họ trở nên tin tưởng, vững tin, bình tĩnh,

phấn khởi, an ổn, an vui. Rồi không còn yếu đuối, không còn sợ hãi, lo âu, không còn khao khát mong cầu, sân hận, si mê hôn trầm, tâm họ trở nên tự tin, vững chắc, kiên cố, mạnh mẽ, định tĩnh, an tĩnh, khiến cho khả năng “

Tự mình khám phá nước Tịnh độ ” trong họ được đánh thức, được khơi dậy. Chính tín, lòng tin tuyệt đối vào Tam bảo trong họ được khởi lên và phát triển vững chắc, dẫn đến lòng tin vào chính mình, lòng tự tin rằng mình thật sự có khả năng nổ lực, chuyên cần, để chơn chính sống và thực hành, thực hiện theo đúng những điều đã được Thế Tôn thương yêu dạy bảo. Từ đó họ có thể tự mình phá bỏ, chặt bỏ, đốn ngã những lùm cây rậm rạp tối tăm, những đám dây leo chằng chịt, những bụi gai nhọn um tùm, chúng đang bao vây, bao phủ, che lắp khắp cả mọi phương hướng đến độ không biết đâu là đường đi, nẽo về. Để chính họ tự nhận biết mình là ai, đang ở đâu, để tự mình khởi lên ý muốn dừng

lại bước chân đang ngày đêm lang thang đắm chìm trong việc theo đuổi kiếm tìm ảo ảnh hái hoa bắt bướm, để tự mình khởi lên nhu cầu mong muốn thoát ra khỏi mê cung mờ mịt của tà niệm, vọng niệm, của bất thiện tâm sở và để tự mình khai phá, tự mình thiết lập con đường đi đến cõi Tịnh độ vốn đã và đang hiện hữu ngay trong chính tâm hồn mình. Không ham thích, không thích thú, không hoan hỷ các cảm thọ ấy, các Ngài hướng đến sự từ bỏ, hướng đến sự thoát ly, sự xả ly hoàn toàn để chấm dứt hoàn toàn đau khổ. Để từ đó cứu giúp người khác thoát khổ hoàn toàn như chính các Ngài. Các Ngài đã vượt thoát khỏi vũng bùn lầy, đã lên trên bờ, từ đó các Ngài kéo người khác ra khỏi vũng bùn lầy.

7. Thời Đức Phật, y phục, đồ ăn thức uống, các tiện nghi để làm việc và sinh hoạt trong xã hội rất đơn giản, bình dị. Dân cư phần lớn tâm tánh hiền hòa chất phác. Dù vậy Thế Tôn vẫn luôn cảnh tỉnh, nhắc nhở các đệ tử về những ảnh hưởng, những tác động xấu từ mội trường chung quanh. Các vị Tỷ-kheo thời bấy giờ thường là những vị có thiện căn, nhưng vẫn có những trường hợp các vị bị chi phối, bị nhiếp phục bởi những cám dổ từ đời sống thế tục. Các vị ấy đã có lối sống đầy đủ, lười biếng (luôn tìm cách hưởng thụ về ăn, mặc, ngủ nghỉ, không chân chính thực hiện hạnh tri túc thiểu dục, ăn một buổi với ba y một bình bát). Dẫn đầu về đọa lạc (sống với tiện nghi vật chất đẹp đẻ, tráng lệ, sang trọng xa hoa, cầu kỳ, với sự quan liêu, quan cách, xa cách, luôn bên

mình kẽ hầu người hạ, cung phụng đủ điều). Bỏ rơi gánh nặng sống viễn ly (không nổ lực siêng năng, chuyên cần, tinh cần, tinh tấn trong thực hành giáo pháp). Ngày nay, văn minh tiêu thụ đã tạo ra biết bao phương tiện, tiện nghi vật chất để nhằm hưởng thụ, thỏa mản tối đa đầy đủ tất cả sáu giác quan. Có thể dể dàng tìm thấy các phương tiện với nhiều loại hình để hưởng thụ tại bất cứ nơi đâu kể cả tại các làng mạc xa xôi hẻo lánh, từ điện thoại di động nhiều thế hệ đến computer, internet với vô vàn tính năng Thế nên, hôm nay dù các phương tiện trợ duyên cho việc tu tập, thực hành giáo pháp rất đầy đủ, rất tiện nghi. Ngày càng có nhiều nhiều tự viện, học viện từ sơ học đến đại học, uy nga, rộng lớn được xây

dựng, rất nhiều kinh sách, băng dĩa được in ấn phát hành, rất nhiều lễ hội được tổ chức hoành tráng. Nhưng những trở ngại cho việc tu tập lại không ít, các cám dổ, mê tín ngày lại càng nhiều hơn và những âu lo phiền nảo trong lòng người cứ ngày càng phát triển chồng chất thêm lên không biết đến bao giờ thuyên giảm. Chánh Pháp luôn đúng trong không và thời gian, Chánh Pháp không thuộc về hữu vi. Chánh Pháp đã, đang được thể hiện trong cuộc sống xuyên suốt từ hơn 2500 năm nay, Chánh Pháp đã và đang tồn tại trong tâm hồn, trong lý trí của những người Phật tử chơn chánh. Họ là những người hạnh phúc đích thực, là những người luôn nghĩ và hành động vì lợi ích và hạnh phúc của người khác.

Do bởi họ không còn khao khát, mong cầu, không còn thiếu thốn, bởi trong họ không bóng dáng của tự ngã. Chánh Pháp không thể thay đổi, không thể biến đổi để thích nghi, thích ứng với các giai đoạn lịch sử, với thực tế xã hội. Như thế sẽ không phải là Chánh Pháp. Mà ngược lại, chỉ có xã hội hiện tại cần phải thay đổi, cần phải biến đổi, hay đúng hơn là các thành tố của xã hội là con người cần phải thay đổi, cần phải biến đổi, để có khả năng thực hiện chơn chính Chánh Pháp, để Chánh Pháp đến với chính mình. Chỉ có tâm hồn con người cần phải được chuyển đổi, được chuyển hóa để nhận thức đúng, để hiểu đúng, để thực hành, thực hiện đúng với Chánh Pháp để đưa

đến Hạnh phúc thật sự ngay trong hiện tại, trong đời nầy và trong tương lai. Chính Pháp luôn tồn tại sinh động nơi những người con Phật, những người Thừa tự Pháp. So sánh như trên, để thấy lời dạy của Đức Thế Tôn về thừa tự pháp và thừa tự tài vật thật vô cùng ý nghĩa, thật vô cùng cần thiết để được nghiên cứu được tìm hiểu và áp dụng trong hiện tại, đây là việc làm vô cùng hữu ích, có giá trị thiết thực cho sự duy trì, gìn giữ và phát triển giáo pháp hay " Thừa tự pháp" theo đúng lời dạy của Thế Tôn. 8. Con đường trung đạo tức con đường Thánh tám ngành tức Bát chính đạo là phương pháp cơ bản và là nền tảng để diệt trừ tham, sân, si và các biểu hiện, các trạng thái của tham, sân, si khiến tịnh

nhản sinh, chân trí sinh, hướng đến tịch tịnh, thắng trí, giác ngộ, Niệt bàn.
Bảy phương pháp đoạn trừ các lậu hoặc trong bài kinh số 2 thuộc về con đường
Thánh tám ngành.
Nguồn: PTVN

Nguồn: Giảng Sư (giangsu.io.vn) — văn bản trích từ kho sách cổ và kinh điển.